

Khả năng sinh lời của ngân hàng và bất ổn kinh tế: Một góc nhìn mới về các thước đo

Trần Tiến Nhân*, Lê Duy Khánh
Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TỪ KHÓA

Bất ổn kinh tế,
Chỉ số bất ổn toàn cầu,
Khả năng sinh lời,
Biên lợi nhuận ròng,
Ngân hàng thương mại.

TÓM TẮT

Bài nghiên cứu tập trung đánh giá tác động của bất ổn kinh tế đối với khả năng sinh lời của các ngân hàng. Thay vì sử dụng các thước đo truyền thống, chúng tôi đã áp dụng các chỉ số mới để đo lường hiệu quả hoạt động của ngân hàng và sự bất ổn kinh tế. Bằng việc áp dụng phương pháp ước lượng Bình phương nhỏ nhất tổng quát khả thi cùng với kiểm định tính vững, kết quả đảm bảo được độ tin cậy. Dựa trên dữ liệu bảng cân bằng được tổng hợp từ báo cáo tài chính của 26 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2023. Kết quả phân tích cho thấy bất ổn kinh tế có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng sinh lời của các ngân hàng. Ngoài ra, các yếu tố kiểm soát khác cũng thể hiện mức ý nghĩa thống kê cao, góp phần quan trọng vào việc hiểu rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngành ngân hàng.

1. Giới thiệu

Sự ổn định và phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng đóng vai trò cốt lõi trong việc duy trì sự vững chắc của nền kinh tế quốc gia. Các ngân hàng thương mại giữ vai trò là trung gian tài chính, giúp luân chuyển dòng vốn hiệu quả giữa các chủ thể trong nền kinh tế (Rose & Hudgins, 2013). Vì vậy, việc các ngân hàng tạo ra lợi nhuận là mục tiêu cốt lõi nhằm duy trì hiệu quả hoạt động và đáp ứng nhu cầu tài chính của nền kinh tế. Đối với thước đo lường khả năng sinh lời của ngân hàng, các chỉ số đo lường như ROA, ROE và NIM đã được phần lớn các tác giả công nhận và áp dụng rộng rãi. Tuy nhiên, nghiên cứu này sử dụng một chỉ số đo lường mới là Biên lợi nhuận ròng (NPM) được đề cập bởi hai tác giả kinh điển trong lĩnh vực quản lý ngân hàng là Rose và Hudgins (2013) với giáo trình Quản trị ngân hàng & dịch vụ tài chính và Koch và MacDonald (2014) với giáo trình Quản trị ngân hàng.

Chỉ số NPM được Rose và Hudgins (2013), Koch và MacDonald (2014) xây dựng với những lập luận vững chắc về tính toàn diện trong việc phản ánh hiệu quả hoạt động tài chính của các ngân hàng thương mại.

Bất ổn kinh tế cũng là một chủ đề được nghiên cứu rộng rãi trong thời gian gần đây. Để đo lường tác động của sự bất ổn kinh tế, đại đa số các nghiên cứu trước ưa chuộng sử dụng chỉ số Bất ổn chính sách kinh tế (EPU) để đo lường. Tuy nhiên, vẫn còn một cách tiếp cận khác, mới hơn được nghiên cứu và phát triển bởi Ahir và cộng sự (2022) là chỉ số Bất ổn toàn cầu (WUI). Chỉ số WUI thể hiện được hai ưu điểm so với EPU (Ahir & cộng sự, 2022). Thứ nhất đây là một chỉ số có tính tiêu chuẩn hóa cao hơn, dựa trên nguồn dữ liệu của Cơ quan Tình báo Kinh tế. Thứ hai, phạm vi ứng dụng rộng hơn khi dữ liệu về EPU tính đến thời điểm hiện tại chỉ được tính toán với 22 quốc gia, trong khi WUI đã được cập nhật với cả các khu vực có nền kinh tế nhỏ.

*Tác giả liên hệ. Email: nhantt.228f@ou.edu.vn

<https://doi.org/10.61602/jdi.2025.82.03>

Ngày nộp bài: 11/10/2024; Ngày chỉnh sửa: 17/02/2025; Ngày duyệt đăng: 18/02/2025; Ngày online: 23/4/2025

ISSN (print): 1859-428X, ISSN (online): 2815-6234

Quá trình lược khảo cho thấy có rất ít nghiên cứu xem xét về mối liên hệ giữa bất ổn kinh tế và khả năng sinh lời của ngân hàng. Trong số đó, chỉ có vài nghiên cứu sử dụng chỉ số WUI để đại diện cho bất ổn kinh tế (Chand & cộng sự, 2024; Luo & cộng sự, 2024), số khác vẫn sử dụng chỉ số EPU (Athari, 2021; Mendy & cộng sự, 2023; Ozili & Arun, 2023). Tuy nhiên, đặc điểm chung của các nghiên cứu này là chưa xem xét tại các quốc gia đang phát triển ở khu vực Châu Á. Với vị thế là một quốc gia đang phát triển nhanh chóng tại khu vực, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu kinh tế nổi bật, điển hình là việc duy trì tăng trưởng kinh tế dương trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Điều này cho thấy khả năng thích nghi và ứng phó với biến động kinh tế của Việt Nam, trong đó, hệ thống ngân hàng vững mạnh chính là tác nhân chính trong việc duy trì ổn định tài hệ thống chính quốc gia. Vậy nên, việc nghiên cứu tìm hiểu về mối liên hệ giữa bất ổn kinh tế và khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam là điều cần thiết, vì bất ổn kinh tế có thể tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng và qua đó ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế. Ngoài ra, nghiên cứu cũng góp phần mở rộng thêm kiến thức về các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của ngân hàng khi phân tích các nghiên cứu trước đây thường tập trung vào các yếu tố như lạm phát, tăng trưởng kinh tế và lãi suất để đại diện cho nhóm yếu tố vĩ mô. Từ đó, bài nghiên cứu đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và sự phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu, tác giả áp dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến, kết hợp với các phương pháp kiểm định nhằm lựa chọn phương pháp ước lượng phù hợp giữa Bình phương nhỏ nhất (Pooled OLS), Mô hình tác động cố định (FEM) và Mô hình tác động ngẫu nhiên (REM). Trong trường hợp mô hình được lựa chọn xuất hiện các khuyết tật, phương pháp ước lượng Bình phương nhỏ nhất tổng quát khả thi (FGLS) sẽ được sử dụng để khắc phục các vấn đề này. Đồng thời, việc kiểm định tính vững cũng được thực hiện nhằm đảm bảo độ tin cậy và chính xác của các ước lượng thu được.

Kết quả nghiên cứu cho thấy bất ổn kinh tế đặt ra những thách thức đáng kể đối với ngành ngân hàng, đặc biệt trong việc duy trì khả năng sinh lời. Với mức ý nghĩa thống kê 1%, bất ổn kinh tế cho thấy có tác động tiêu cực rõ rệt đến lợi nhuận ngân hàng. Bên cạnh đó, các yếu tố kiểm soát khác cũng thể hiện được vai trò quan trọng trong việc tác động đến khả năng sinh lời của ngân hàng. Đa dạng hóa thu nhập, năng lực cạnh tranh, chi phí hoạt động, khả năng thanh khoản, quy mô ngân hàng và dịch bệnh COVID-19 là những yếu tố thể hiện tác động tích cực, trái ngược với lạm phát khi thể hiện tác động tiêu cực đối với khả năng sinh lời. Những phát hiện này không chỉ củng cố bằng chứng thực nghiệm về tác động của bất ổn kinh tế mà còn nhấn mạnh vai trò thiết yếu của các chiến lược quản lý và thích ứng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của

ngân hàng.

2. Mô hình lý thuyết – Phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan lý thuyết và những nghiên cứu trước

Sự bất ổn kinh tế là tình trạng biến động khó lường của các yếu tố kinh tế quan trọng, thường không thể dự đoán trước được (Wu & cộng sự, 2021). Theo lý thuyết chu kỳ kinh tế, nền kinh tế sẽ trải qua những giai đoạn tăng trưởng và suy thoái mang tính chu kỳ thay vì ngẫu nhiên. Từ đó, các xu hướng kinh tế trong tương lai có thể được dự đoán, giúp đề ra các phương án để giảm thiểu những hậu quả tiêu cực từ sự biến động của thị trường hoặc xây dựng các chiến lược đầu tư hiệu quả. Trong bối cảnh suy thoái kinh tế, nền kinh tế quốc gia xảy ra nhiều biến động, việc thu hồi các khoản nợ xấu trở nên khó khăn do khách hàng không có khả năng thanh toán. Điều này làm gia tăng rủi ro tín dụng, buộc các ngân hàng phải gia tăng chi phí trích lập dự phòng và giảm hạn mức tín dụng, dẫn đến lợi nhuận của ngân hàng suy giảm (Bilgin & cộng sự, 2021). Nhìn chung, sự bất ổn về kinh tế có xu hướng tăng lên trong giai đoạn suy thoái và suy giảm khi nền kinh tế trở nên tốt hơn. Những diễn biến tiêu cực trong môi trường kinh tế làm gia tăng mức độ tính biến động ở cả cấp độ vĩ mô lẫn vi mô, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Theo Ozili (2021), bất ổn kinh tế ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của ngân hàng thông qua tác động làm suy giảm cầu và cung tín dụng. Cụ thể, khi bất ổn kinh tế xảy ra, các doanh nghiệp ít đầu tư mới và sử dụng lao động, điều này làm giảm nhu cầu tín dụng của cả doanh nghiệp và cá nhân (Bloom & cộng sự, 2013). Ngược lại, về phía cung tín dụng, các ngân hàng trong giai đoạn này sẽ giảm các hoạt động cấp tín dụng, nâng cao các tiêu chuẩn quyết định cho vay hoặc kéo dài thời hạn giải ngân các khoản vay mới (Wu & Suardi, 2021). Một số các nghiên cứu của Athari (2021), Mendy và cộng sự (2023) cũng ủng hộ cho quan điểm trên. Quan điểm khác của Wu và cộng sự (2020) cho rằng nguyên nhân khiến lợi nhuận của ngân hàng suy yếu là do sự suy giảm giá trị các tài sản mà ngân hàng đang nắm giữ và khả năng vỡ nợ tăng lên trong thời kỳ bất ổn kinh tế gia tăng. Đồng thời, lợi nhuận của ngân hàng cũng bị xói mòn trong giai đoạn này do chi phí sử dụng vốn tăng.

Kết quả nghiên cứu của Athari (2021) tại 55 ngân hàng trong giai đoạn 2005 – 2015 ở Ukraine cho thấy sự bất ổn kinh tế toàn cầu có tác động tiêu cực đến khả năng sinh lời của ngân hàng. Hiệu quả hoạt động và sự tăng trưởng lợi nhuận của các ngân hàng phụ thuộc đáng kể vào việc quốc gia đó có thể giảm thiểu được những tác động từ bất ổn chính trị trong nước và kinh tế toàn cầu.

Nghiên cứu của Ozili và Arun (2023) về tác động của sự bất ổn kinh tế đối với lợi nhuận ngân hàng ở 22 quốc gia tiên tiến. Kết quả cho thấy sự bất ổn kinh tế

cao ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động tạo ra thu nhập của ngân hàng. Tuy nhiên, đối với các ngân hàng ở khu vực Châu Á và khu vực Châu Mỹ, kết quả lại chỉ ra sự bất ổn kinh tế tác động tích cực đến lợi nhuận của ngân hàng. Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt này do các chính sách quản lý và quy định chặt chẽ đã góp phần giúp cho hệ thống ngân hàng tại các khu vực này có thể chống chọi lại trước biến động trong thời kỳ bất ổn.

Mendy và cộng sự (2023) chỉ ra rằng bất ổn kinh tế có tác động tiêu cực đối với khả năng sinh lời của các ngân hàng Hoa Kỳ trong giai đoạn từ năm 2001 – 2016. Lợi nhuận của ngân hàng suy giảm thông qua việc giảm số lượng các khoản vay và tăng tỷ lệ nợ xấu. Đồng thời, nghiên cứu cũng đề cập nguồn vốn dồi dào có thể giúp ngân hàng trụ vững được trước các biến động từ bất ổn kinh tế.

Chand và cộng sự (2024) với dữ liệu được thu thập từ bảy tổ chức tài chính trong giai đoạn năm 2000 – 2021, kết quả cho thấy bất ổn kinh tế có tác động tích cực đối với khả năng sinh lời. Các tác giả lập luận rằng sự bất ổn kinh tế có thể dẫn đến sự hạn chế tạm thời các hoạt động đầu tư mới của ngân hàng, nhưng nó cũng mang lại cơ hội để phát triển các dịch vụ truyền thống, tăng cường mối quan hệ với những khách hàng tiềm năng và cải thiện chất lượng quản lý tín dụng. Điều này có thể làm tăng lợi nhuận từ các dịch vụ ngân hàng truyền thống.

Một nghiên cứu khác của Luo và cộng sự (2024) trong giai đoạn từ năm 2006 – 2021 tại các ngân hàng Hồi giáo và các ngân hàng thông thường ở các quốc gia đáp ứng tiêu chuẩn tỷ lệ tài sản ngân hàng Hồi giáo chiếm hơn 1% tổng tài sản các ngân hàng tại quốc gia đó. Kết quả cho thấy đối với cả hai loại hình ngân hàng, bất ổn kinh tế đều có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Lập luận cho kết quả trên, bất ổn kinh tế trong tương lai có thể làm tăng các khoản nợ xấu, khách hàng rút tiền bất ngờ và giá trị tài sản giảm nhưng các ngân hàng có thể tăng cường các hoạt động quản lý rủi ro, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, định giá khoản vay cao hơn để ứng phó.

Dựa trên lý thuyết chu kỳ kinh tế và nhóm các nghiên cứu thực nghiệm trước đó (Athari, 2021; Mendy & cộng sự, 2023; Ozili & Arun, 2023), từ đó kỳ vọng giả thuyết nghiên cứu được đưa ra như sau:

H1: Sự bất ổn kinh tế có tác động ngược chiều đến khả năng sinh lời của ngân hàng.

2.2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Dữ liệu

Dữ liệu được xây dựng dưới dạng cấu trúc dữ liệu bảng cân bằng với tổng số quan sát là 364, bao gồm 26 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2023. Đầu tiên, cột mốc 2010 được lựa chọn nhằm hạn chế các tác động của cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 – 2009. Ngoài ra, giai đoạn 2010 – 2023 cũng là khoảng thời gian

mà các ngân hàng thương mại trong mẫu nghiên cứu công bố đầy đủ dữ liệu về báo cáo tài chính. Đối với nhóm các ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước mua lại (GPBank, OceanBank, CBBank) và được đặt vào diện kiểm soát đặc biệt (DongA Bank, SCB) sẽ bị loại khỏi mẫu nghiên cứu do ngừng công bố các dữ liệu tài chính. Các số liệu liên quan đến ngân hàng được thu thập từ các báo cáo tài chính đã kiểm toán được công bố tại trang chủ của chính các ngân hàng. Các dữ liệu về kinh tế vĩ mô như tỷ lệ lạm phát được lấy từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới. Chỉ số Bất ổn kinh tế đối với Việt Nam được lấy từ trang Chỉ số Bất ổn toàn cầu.

2.2.2. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên các lý thuyết đã đề cập và những nghiên cứu thực nghiệm trước đó của Chand và cộng sự (2024), Mendy và cộng sự (2023), mô hình nghiên cứu về tác động của bất ổn kinh tế đối với khả năng sinh lời của các ngân hàng được đề xuất như sau:

$$NPM_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 WUI_{i,t} + \sum \beta_n ControlVars_{i,t} + \varepsilon_{i,t}$$

Trong đó:

$\varepsilon_{i,t}$: sai số của mô hình; i tương ứng lần lượt với 26 ngân hàng; t là giai đoạn 2010 – 2023

Biến phụ thuộc

Biên lợi nhuận ròng (NPM): Là một trong những thước đo lường khả năng sinh lời được đề xuất bởi các tác giả nổi tiếng trong lĩnh vực quản lý ngân hàng là Rose và Hudgins (2013) và Koch và MacDonald (2014). Theo Rose và Hudgins (2013), chỉ số này phản ánh năng lực quản trị và giữ lại lợi nhuận của ngân hàng. Ngoài ra, khi so sánh giữa NPM và ROA, NPM tập trung vào việc phân tích lợi nhuận được tạo từ các hoạt động kinh doanh, không bị chi phối bởi yếu tố quy mô và cơ cấu tài sản. Điều này cũng góp phần tạo nên sự thuận tiện khi so sánh khả năng tạo ra lợi nhuận giữa các ngân hàng, vì mỗi ngân hàng sẽ có mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính, chi phí khác nhau.

Biến độc lập chính

Bất ổn kinh tế (WUI): Được đo lường bằng cách đếm tỷ lệ xuất hiện của cụm từ “không chắc chắn” và các cụm từ tương tự trong báo cáo quốc gia của Đơn vị Tình báo Kinh tế (Ahir & cộng sự, 2022). Bên cạnh những lợi thế so với chỉ số EPU đã đề cập trước đó, chỉ số WUI giám sát liên tục mức độ bất ổn về kinh tế, qua đó phản ánh được xu hướng thực tế, những biến động trong ngắn hạn cũng như những mối lo ngại dài hạn hoặc giữa thời kỳ khủng hoảng và ổn định (Ahir & cộng sự, 2022). Ngoài ra, việc sử dụng một chỉ số đo lường cụ thể như WUI cũng được đánh giá là tốt hơn so với việc sử dụng biến giả để đại diện cho yếu tố bất ổn kinh tế (Bilgin & cộng sự, 2021).

Biến kiểm soát

Đa dạng hóa thu nhập (NNIM): Đề cập đến việc các ngân hàng đầu tư vào các tài sản hoặc hoạt động

tạo ra thu nhập ngoài lãi để gia tăng lợi nhuận tổng thể. Chỉ số NNIM được phát triển bởi Rose và Hudgins (2013) là một trong những phương pháp đánh giá mức độ đa dạng hóa thu nhập của ngân hàng. Chỉ số này đo lường các khoản thu nhập ngoài lãi (thu phí dịch vụ) so với chi phí ngoài lãi (chi phí cho nhân viên, bảo trì cơ sở vật chất và trích lập dự phòng). Khi NNIM càng cao phản ánh hiệu quả của ngân hàng trong việc đa dạng hóa các loại hình dịch vụ cung cấp cho khách để gia tăng nguồn thu nhập.

Năng lực cạnh tranh (LI): Là khả năng duy trì hoạt động ngân hàng và tạo ra được lợi thế so với các đối thủ cạnh tranh. Năng lực cạnh tranh được đo lường dựa trên chỉ số Lerner, một thước đo lường đánh giá sức mạnh thị trường của từng ngân hàng theo hằng năm, qua đó phản ánh năng lực cạnh tranh của ngân hàng tại từng thời điểm (Ozili & Arun, 2023). Chỉ số Lerner dao động trong khoảng từ 0 đến 1, giá trị tiến gần đến 1 cho thấy mức độ độc quyền cao và giá trị âm phản ánh cho tình trạng hoạt động kém hiệu quả.

Chi phí hoạt động (CIR): Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập thường được dùng để đánh giá hiệu quả quản lý chi phí của ngân hàng (Wu & cộng sự, 2020). Đồng thời, đây cũng là một yếu tố quan trọng có tác động đáng kể đến mức độ lợi nhuận mà ngân hàng đạt được. Khi tỷ lệ này càng cao thì càng cho thấy sự kém hiệu quả trong quá trình kiểm soát chi phí (Bilgin & cộng sự,

2021; Wu & cộng sự, 2020; Wu & cộng sự, 2021).

Khả năng thanh khoản (LDR): Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tiền gửi của khách hàng là một trong những công cụ truyền thống đo lường trạng thái thanh khoản của ngân hàng. Rủi ro về tình trạng thanh khoản của ngân hàng càng cao khi tỷ lệ này cao (Koch & MacDonald, 2014). Tại Việt Nam, tỷ lệ này được Ngân hàng Nhà nước yêu cầu đối với các ngân hàng thương mại là không vượt quá 85%, điều này góp phần đảm bảo cho các ngân hàng vẫn có thể tạo ra lợi nhuận mà không gặp phải rủi ro thanh khoản.

Quy mô ngân hàng (SIZE): Quy mô ngân hàng là một yếu tố quan trọng và có ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng thông qua những lợi thế từ tính kinh tế theo quy mô. Trong phần lớn các nghiên cứu, các tác giả thường đo lường quy mô ngân hàng bằng cách tính logarit tự nhiên giá trị tổng tài sản (Athari, 2021; Chand & cộng sự, 2024; Luo & cộng sự, 2024).

Lạm phát (INF): Mức độ biến động của lạm phát có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của ngân hàng thông qua cơ chế điều hành lãi suất. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đo lường sự thay đổi về mức giá của giỏ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng mà các hộ gia đình mua trên thị trường. Đây cũng là thước đo lường thường được đại đa số các tác giả lựa chọn để đại diện cho yếu tố lạm phát (Luo & cộng sự, 2024; Wu & Suardi, 2021).

Dịch bệnh COVID-19 (COVID): Đây là một biến

Bảng 1. Tóm tắt thông tin đo lường các biến số

Tên biến	Ký hiệu	Phương pháp đo lường
<i>Biến phụ thuộc</i>		
Khả năng sinh lời	NPM	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng thu nhập hoạt động}}$
<i>Biến độc lập chính</i>		
Bất ổn kinh tế	WUI	Tần suất xuất hiện của cụm từ “không chắc chắn” và các cụm từ có ý nghĩa tương tự trong báo cáo quốc gia của Đơn vị Tình báo Kinh tế
<i>Biến kiểm soát</i>		
Đa dạng hóa thu nhập	NNIM	$\frac{\text{Thu nhập ngoài lãi} - \text{Chi phí DP RRTD} - \text{Chi phí ngoài lãi}}{\text{Tổng tài sản}}$
Năng lực cạnh tranh	LI	$\text{Lerner Index (LI)} = \frac{P_{it} - MC_{it}}{P_{it}}$ - P: giá đầu ra, bằng tổng thu nhập trên tổng tài sản - MC: chi phí biên của ngân hàng.
Chi phí hoạt động	CIR	$\frac{\text{Tổng chi phí hoạt động}}{\text{Tổng thu nhập}}$
Khả năng thanh khoản	LDR	$\frac{\text{Tổng dư nợ cho vay}}{\text{Tổng tiền gửi của khách hàng}}$
Quy mô ngân hàng	SIZE	$\ln(\text{Giá trị sổ sách tổng tài sản})$
Lạm phát	INF	Lạm phát của Việt Nam hàng năm, đo lường bằng CPI
Dịch bệnh COVID-19	COVID	Biến giả, bằng 1: 2020 – 2022, bằng 0 cho các năm còn lại

giả trong mô hình. Trong đó, biến nhận giá trị bằng 1 đối các năm 2020, 2021 và 2022 khi dịch bệnh đang diễn ra và giá trị bằng 0 cho các năm còn lại (Chand & cộng sự, 2024).

2.2.3. Phương pháp nghiên cứu

Đối với cấu trúc dữ liệu bảng cân bằng, Bình phương nhỏ nhất (Pooled OLS), Mô hình tác động cố định (FEM) và Mô hình tác động ngẫu nhiên (REM) là các phương pháp ước lượng cơ bản. Tuy nhiên, nhược điểm của các phương pháp này là không xử lý được các khuyết tật như hiện tượng tương quan giữa các đối tượng ở phần dư, tương quan chuỗi và phương sai sai số thay đổi. Vì vậy, để có thể đảm bảo các ước lượng có độ tin cậy, bài nghiên cứu này sử dụng phương pháp Bình phương nhỏ nhất tổng quát khả thi (FGLS) để có thể khắc phục các khuyết tật nếu tồn tại (Wooldridge, 2010).

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kiểm tra đa cộng tuyến

Bảng 2. Kết quả kiểm tra hệ số VIF

Biến số	VIF	1/VIF
WUI	1,24	0,8089
NNIM	1,25	0,7993
LI	1,65	0,6078
CIR	1,32	0,7563
LDR	1,36	0,7334
SIZE	1,34	0,7470
INF	1,52	0,6565
COVID	1,20	0,8311
Mean VIF	1,36	

Theo nhiều nghiên cứu, vấn đề đa cộng tuyến xảy ra khi hệ số VIF > 2. Từ kết quả tại Bảng 2 cho thấy các hệ số đều bé hơn 2 và trung bình là 1,37, từ đó thể kết luận mô hình không tồn tại các vấn đề đa cộng tuyến nghiêm trọng.

3.2. Kiểm tra các khuyết tật

Quan sát tại Bảng 3 cho thấy mô hình tồn tại các khuyết tật như hiện tượng tương quan giữa các đối tượng ở phần dư, tương quan chuỗi và phương sai sai số thay đổi. Do đó, các tác giả sẽ thực hiện hồi quy theo phương pháp FGLS để có thể khắc phục các khuyết tật trên.

3.3. Kết quả nghiên cứu

Bảng 4. Kết quả ước lượng mô hình bằng FGLS

Biến số	Hệ số ước lượng [Sai số chuẩn]
WUI	-0,0373*** [0,0109]
NNIM	0,4006*** [0,0644]
LI	0,7960*** [0,0049]
CIR	0,0378*** [0,0095]
LDR	0,0077*** [0,0025]
SIZE	0,0166*** [0,0008]
INF	-0,1830*** [0,0196]
COVID	0,0074*** [0,0019]
Hằng số	-0,3293*** [0,0168]
N	364

Ghi chú: *, **, *** lần lượt tương ứng với mức ý nghĩa 10%, 5%, 1%;
Ngược vuông thể hiện sai số chuẩn.

Bất ổn kinh tế (WUI) mang đến những thách thức đáng kể cho ngành ngân hàng, đặc biệt là trong việc duy trì khả năng tạo ra lợi nhuận. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, với mức ý nghĩa thống kê 1%, bất ổn kinh tế có tác động tiêu cực đến khả năng sinh lời của các ngân hàng.

Dựa theo lý thuyết chu kỳ kinh tế, trong những thời điểm kinh tế không ổn định, các ngân hàng phải đối mặt với hàng loạt khó khăn gây ảnh hưởng đến lợi

Bảng 3. Các kết quả kiểm tra khuyết tật của mô hình

Phương pháp kiểm tra	Kết quả kiểm tra	Kết luận
<i>Kiểm định tương quan giữa các đối tượng ở phần dư</i>		
Breusch-Pagan LM test of independence	Pr = 0,0000	Mô hình tồn tại tương quan giữa các đối tượng ở phần dư
<i>Kiểm định tương quan chuỗi</i>		
Wooldridge test for autocorrelation in panel data	Prob > F = 0,0000	Mô hình tồn tại tương quan chuỗi
<i>Kiểm định phương sai sai số thay đổi</i>		
Breusch and Pagan Lagrangian multiplier test for random effects	Prob > chibar2 = 0,0000	Mô hình tồn tại hiện tượng phương sai sai số thay đổi

nhuận. Một trong những vấn đề lớn nhất là sự sụt giảm trong cung và cầu tín dụng. Doanh nghiệp và người tiêu dùng trở nên thận trọng hơn, dè dặt trong việc mở rộng hoạt động hay chi tiêu, khiến cho khối lượng các khoản vay mới giảm sút (Bloom & cộng sự, 2013). Đồng thời, các ngân hàng để ứng phó với bất ổn kinh tế cũng sẽ e ngại trong việc nới lỏng tín dụng, giải ngân các khoản vay mới (Wu và Suardi, 2021). Tất cả những điều này trực tiếp ảnh hưởng đến thu nhập lãi của ngân hàng, vốn là nguồn thu nhập chính. Bên cạnh đó, khả năng thanh toán của các khoản vay hiện hữu cũng giảm do khách hàng gặp khó khăn tài chính. Tác động này buộc các ngân hàng phải tăng cường trích lập dự phòng rủi ro, gây ra các áp lực trong việc duy trì hiệu quả hoạt động (Bilgin và cộng sự, 2021).

Kết quả của bài nghiên cứu cho thấy giả thuyết H1 được ủng hộ, nhất quán với lý thuyết chu kỳ kinh tế và các nghiên cứu thực nghiệm của các tác giả khác trong thời gian gần đây (Athari, 2021; Mendy & cộng sự, 2023; Ozili & Arun, 2023). Tuy nhiên, kết này lại trái ngược so sánh với các nghiên cứu của Chand và cộng sự (2024) tại Fiji, Luo và cộng sự (2024) tại các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh hoặc Tổ chức Hợp tác Hồi giáo. Theo Chand và cộng sự (2024), bất ổn kinh tế đã thúc đẩy các ngân hàng nâng cao chất lượng quản lý tín dụng và phát triển các sản phẩm dịch vụ truyền thống hơn, từ đó tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Bên cạnh đó, Luo và cộng sự (2024) cũng cho rằng bên cạnh việc ngân hàng nâng cao năng lực quản lý và cải thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ, việc định giá các khoản vay mới cao hơn để bù đắp rủi ro cũng góp phần gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng. Ngoài ra, khi các ngân hàng được Ngân hàng Trung ương giám sát chặt chẽ hoặc các quy định ban hành tạo điều kiện thuận lợi, hệ thống ngân hàng của quốc gia có thể duy trì tạo lợi nhuận trong thời kỳ bất ổn kinh tế diễn ra (Ozili & Arun, 2023).

Bên cạnh đó, đối với nhóm các biến kiểm soát, các yếu tố đều có đều có mức ý nghĩa thống kê ở mức 1%, cho thấy sự ảnh hưởng đến lợi nhuận ngân hàng. Trong đó, đa dạng hóa thu nhập (NNIM) và năng lực cạnh tranh (LI) nổi bật với tác động tích cực mạnh mẽ, khẳng định rằng việc mở rộng nguồn thu nhập và nâng cao năng lực cạnh tranh là những yếu tố quan trọng giúp ngân hàng duy trì và tăng cường lợi nhuận, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động. Các biến khả năng thanh khoản (LDR) và quy mô ngân hàng (SIZE) cũng có ảnh hưởng tích cực, cho thấy rằng mức độ bao phủ và duy trì khả năng thanh khoản ổn định là cần thiết để ngân hàng duy trì khả năng sinh lời tốt hơn. Chi phí hoạt động (CIR) với tác động tích cực, nguyên nhân có thể xuất phát từ việc các ngân hàng mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ để đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ từ đó tăng khả năng tạo lợi nhuận. Lạm phát (INF) lại có tác động tiêu cực rõ rệt, lạm phát cao làm sức mua giảm ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn sụt giảm,

đồng thời cũng làm tăng chi phí vốn của ngân hàng dẫn đến làm giảm lợi nhuận. Cuối cùng là yếu tố dịch bệnh COVID-19 (COVID) mặc dù có tác động tích cực nhưng ở mức thấp, có thể cho thấy rằng các biện pháp hỗ trợ từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong thời kỳ dịch bệnh đã giúp hệ thống ngân hàng duy trì hoạt động và khả năng sinh lời trong thời gian khó khăn.

3.4. Kiểm tra tính vững

Bài nghiên cứu thực hiện kiểm tra tính vững thông qua hai phương pháp. Phương pháp đầu tiên được sử dụng bằng cách thay thế biến độc lập. Đối với biến độc lập chính là bất ổn kinh tế, giá trị của biến số này sẽ được tính toán theo một phương pháp khác là trung bình trọng số ba phần tư, số liệu được cung cấp từ trang World Uncertainty Index. Phương pháp thứ hai là dựa trên Khoảng cách Cook để loại bỏ các giá trị ngoại lai trong bảng dữ liệu. Dựa trên phương pháp này, các ngân hàng Eximbank, LienVietPostBank, Nam A Bank, Saigonbank, TPBank, VIB, VPBank và VietAbank lần lượt bị loại khỏi dữ liệu nghiên cứu, số quan sát còn lại 252 tương ứng với 18 ngân hàng. Phương pháp FGLS vẫn được giữ nguyên để thực hiện kiểm tra tính vững theo hai cách.

Bảng 5. Kết quả kiểm tra tính vững

Biến	Mô hình gốc	Phương pháp 1	Phương pháp 2
WUI	-0,0373*** [0,0109]	-	-0,0531*** [0,0045]
WUI 3/4	-	-0,0529*** [0,0239]	-
NNIM	0,4006*** [0,0644]	0,5901*** [0,0770]	0,8636*** [0,0438]
LI	0,7960*** [0,0049]	0,7781*** [0,0091]	0,7393*** [0,0047]
CIR	0,0378*** [0,0095]	0,0473*** [0,0139]	0,1116*** [0,0079]
LDR	0,0077*** [0,0025]	0,0118*** [0,0035]	0,0033*** [0,0008]
SIZE	0,0166*** [0,0008]	0,0181*** [0,0017]	0,0131*** [0,0007]
INF	-0,1830*** [0,0196]	-0,1861*** [0,0174]	-0,1585*** [0,0106]
COVID	0,0074*** [0,0019]	0,0082*** [0,0017]	0,0102*** [0,0009]
Hằng số	-0,3293*** [0,0168]	-0,3565*** [0,0322]	-0,2687*** [0,0142]
N	364	364	252
Số lượng ngân hàng	26	26	18

Ghi chú: *, **, *** lần lượt tương ứng với mức ý nghĩa 10%, 5%, 1%; Ngược vuông thể hiện sai số chuẩn.

Kết quả kiểm tra tính vững được trình bày tại Bảng

5 cho thấy ở cả hai phương pháp đều thu được kết quả tương đồng với kết quả nghiên cứu ban đầu. Tác động tiêu cực của bất ổn kinh tế vĩ đối với khả năng sinh lời của ngân hàng là không thay đổi. Đối với các biến số kiểm soát, các biến số đều giữ nguyên chiều tác động và mức ý nghĩa 1%.

4. Kết luận

Dựa trên mẫu nghiên cứu các ngân hàng thương mại Việt Nam và sử dụng phương pháp hồi quy FGLS, kết quả cho thấy rằng bất ổn kinh tế là một yếu tố quan trọng góp phần làm suy giảm khả năng sinh lời của các ngân hàng trong giai đoạn 2010 – 2023. Bất ổn kinh tế đã khiến thu nhập từ lãi của ngân hàng sụt giảm mạnh do sự thu hẹp cầu tín dụng từ cả phía doanh nghiệp và người tiêu dùng. Hơn nữa, khó khăn tài chính của khách hàng trong giai đoạn này cũng làm gia tăng các nguy cơ về nợ xấu, buộc ngân hàng phải gia tăng trích lập dự phòng. Các ngân hàng cần nâng cấp hệ thống giám sát và cảnh báo nhằm nhận diện kịp thời các cú sốc kinh tế tiềm ẩn, qua đó đưa ra các biện pháp can thiệp phù hợp như điều chỉnh chính sách tín dụng, tái cơ cấu danh mục đầu tư hoặc tăng cường trích lập dự phòng. Việc chủ động và linh hoạt trong quản trị rủi ro không chỉ giúp ngân hàng giảm thiểu tổn thất mà còn xây dựng nền tảng vững chắc. Ngoài ra, tính đặc thù về môi trường pháp lý, văn hóa kinh doanh và cấu trúc thị trường cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực từ các cuộc khủng hoảng. Do đó, Ngân hàng Trung ương và Chính phủ Việt Nam cần ban hành những quy định được thiết kế tối ưu, khuyến khích tính linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho toàn hệ thống. Trong giai đoạn nền kinh tế có nhiều biến động, cả Ngân hàng Trung ương và Chính phủ có thể hỗ trợ thanh khoản, tái cơ cấu các khoản nợ xấu hoặc linh hoạt thay đổi lãi suất điều hành, tỷ giá hối đoái để giảm thiểu tác động tiêu cực đối với lợi nhuận của các ngân hàng.

Đồng thời, thông qua kết quả nghiên cứu, có thể thấy rằng chính sách điều hành và quản lý trong ngành ngân hàng không thể dựa chỉ vào một yếu tố duy nhất, việc duy trì và cải thiện những yếu tố này là điều quan trọng để đảm bảo sự ổn định và tăng trưởng của ngân hàng. Thay đổi trong môi trường kinh doanh, chính trị, công nghệ và thị trường tài chính có thể tạo ra những tác động mới và bất ngờ. Vì vậy, cần có thêm các nguồn tài liệu tham khảo, nghiên cứu thực nghiệm để ban điều hành ngân hàng có thể điều chỉnh các chính sách và quản lý phù hợp, linh hoạt để thích ứng với những thách thức và cơ hội mới.

Nghiên cứu này vẫn tồn tại một số hạn chế như việc giới hạn mẫu nghiên cứu chỉ trong phạm vi các ngân hàng tại một quốc gia. Do đó, mở rộng phạm vi nghiên cứu sang các quốc gia khác trong các nghiên cứu tương lai là điều cần thiết để có cái nhìn toàn diện hơn. Ngoài ra, các nghiên cứu sau này có thể cân nhắc

sử dụng các chỉ số đo lường khác để đại diện cho sự bất ổn kinh tế, hoặc kết hợp nhiều thước đo khác nhau. Việc kết hợp này giúp so sánh và đánh giá chỉ số đo lường nào là phù hợp và chính xác hơn trong việc phản ánh tác động của bất ổn kinh tế đối với hiệu quả hoạt động ngân hàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ahir, H., Bloom, N., & Furceri, D. (2022). *The world uncertainty index*.
- Athari, S. A. (2021). Domestic political risk, global economic policy uncertainty, and banks' profitability: evidence from Ukrainian banks. *Post-Communist Economies*, 33(4), 458 – 483. DOI: <https://doi.org/10.1080/14631377.2020.1745563>
- Bilgin, M. H., Danisman, G. O., Demir, E., & Tarazi, A. (2021). Bank credit in uncertain times: Islamic vs. conventional banks. *Finance Research Letters*, 39, 101563. DOI: <https://doi.org/10.4000/ress.110>
- Bloom, N., Kose, M., & Terrones, M. (2013). Held Back by Uncertainty: Recoveries are slowed when businesses and consumers are unsure of the future. *Finance & Development*, 50(1), 38 – 41. DOI: <https://doi.org/10.5089/9781475542684.022>
- Chand, S. A., Kumar, R. R., Stauvermann, P. J., & Shahbaz, M. (2024). Determinants of Bank Profitability – Do Institutions, Globalization, and Global Uncertainty Matter for Banks in Island Economies? The Case of Fiji. *Journal of Risk and Financial Management*, 17(6), 218. DOI: <https://doi.org/10.3390/jrfm17060218>
- Koch, T. W., & MacDonald, S. S. (2014). *Bank management* (8 ed.). Cengage Learning.
- Luo, H., Kamarudin, F., & Nor, N. M. (2024). The impact of economic uncertainty on bank efficiency - The moderating role of country governance. *Heliyon*, 10(6). DOI: <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e27905>
- Mendy, L. L., Yang, S.-Y., & Shi, W.-Z. (2023). Economic Policy Uncertainty, Bank Capital Adequacy, and Bank Profitability. In *Advances in Pacific Basin Business, Economics and Finance* (pp. 127-143). DOI: <https://doi.org/10.1108/S2514-465020230000011006>
- Ozili, P. K. (2021). Economic policy uncertainty in banking: A literature review. *Handbook of research on financial management during economic downturn and recovery*, 275 – 290. DOI: <https://doi.org/10.4018/978-1-7998-6643-5.ch015>
- Ozili, P. K., & Arun, T. G. (2023). Does economic policy uncertainty affect bank profitability? *International Journal of Managerial Finance*, 19(4), 803 – 830. DOI: <https://doi.org/10.1108/IJMF-04-2022-0177>
- Rose, P. S., & Hudgins, S. C. (2013). *Bank management and financial services* (9 ed.). McGraw-Hill companies.
- Wooldridge, J. M. (2010). *Econometric analysis of cross section and panel data*. MIT press.
- Wu, J., Chen, M., Yao, Y., & Jeon, B. N. (2020). Econom-

- ic uncertainty and bank risk: Evidence from emerging economies. *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 68, 101242. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.intfin.2020.101242>
- Wu, J., Yao, Y., Chen, M., & Jeon, B. N. (2021). Does economic uncertainty affect the soundness of banks? Evidence from emerging Asian economies. *Journal of Asian Economics*, 77, 101394. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.asieco.2021.101394>
- Wu, W.-S., & Suardi, S. (2021). Economic uncertainty and bank lending. *Journal of Money, Credit and Banking*, 53(8), 2037 – 2069. DOI: <https://doi.org/10.1111/jmcb.12779>

Bank Profitability and Economic Uncertainty: A New Perspective on Measurement

Tran Tien Nhan, Le Duy Khanh
Ho Chi Minh City Open University, Vietnam

Abstract

This study evaluates the impact of economic uncertainty on bank profitability. Instead of using traditional measures, we applied new indicators to assess bank performance and economic uncertainty. By utilizing the Feasible generalized least squares estimation method along with robustness checks, the results are ensured to be accurate. Based on balanced panel data compiled from the financial statements of 26 Vietnamese commercial banks in the period 2010 – 2023. The analysis reveals that economic uncertainty has a negative impact on the profitability of banks. Other control factors also show a high statistical significance, playing an important role in understanding the factors that influence the banking sector's profitability.

Keywords: Economic uncertainty, World uncertainty index, Bank profitability, Net profit margin, Commercial bank.